

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 06/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Mười.

2/ Bà Hoàng Thị Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 03 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST - HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC T**, Sinh ngày 19/01/1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm B, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; con bà Nghiêm Thị H, Sinh năm 1970. Có vợ: Nguyễn Hồng H, Sinh năm 1992; Con: 01 con, sinh năm: 2016. Điều trú tại: huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/11/2018 đến ngày 29/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **ĐINH QUANG Đ**, Sinh ngày 01/11/1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn D, xã M, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Đinh Ngọc H, Sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Thị M, Sinh năm 1968. Vợ: Nguyễn Thị Y, Sinh năm 1991; Có 02 con. Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Điều trú tại: huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 35/HSST ngày 18/4/2013 Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt Đ 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” . Đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/11/2018 đến ngày 29/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

3. Họ và tên: **PHÙNG VĂN K**, Sinh ngày: 25/11/1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, S, Sơn Tây, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Phùng Văn K, Sinh năm: 1961; Con bà: Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1962. Gia đình có 04 anh chị em. Bị can là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1989. Con: 02 con. Lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017. Điều trú tại: Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/11/2018 đến ngày 29/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

4. Họ và tên: **TRƯƠNG VĂN T1**, Sinh ngày: 26/10/1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Trương Văn C, Sinh năm 1959. Con bà: Từ Thị H, Sinh năm 1959. Điều trú tại xóm N, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 4 anh chị em. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/11/2018 đến ngày 29/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

5. Họ và tên: **ĐỖ VĂN T2**, Sinh ngày: 10/8/1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Đỗ Văn L, Sinh năm 1952. Con bà: Trần Thị M, Sinh năm 1955. Vợ: Biện Thị L, Sinh năm: 1987. Con: 01 con, sinh năm 2017. Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/11/2018 đến ngày 29/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*** Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Tiến T3, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 2, phường X, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội.

2. Anh Nông Thái D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: xóm T, xã T, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên.

(*Điều vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 00 phút ngày 27/11/2018 Tổ công tác Công an huyện Đại Từ nhận được tin báo của lực lượng bảo vệ Công ty N về nội dung: Tại nhà số 8, khu lán trại của Công ty T thuộc địa phận xóm 2, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có một số đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa được thua bằng tiền. Nhận được tin báo Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã H đến khu lán trại trên kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 05 đối tượng gồm: Trương Văn T1, Nguyễn Ngọc T, Đỗ Văn T2, Đinh Quang Đ và Phùng Văn K về hành vi đánh bạc. Thu giữ vật chứng gồm: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ màu trắng; 04 quân bài hình tròn một mặt trắng, một mặt đen; 01 lõi chặn bông; 01 chiếc kéo bằng kim loại; số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tại chiếu bạc và đưa các đối tượng về cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra T1, Đ, K, T, T2 khai nhận như sau: Bản thân T1, Đ, K, T, T2 là công nhân của Công ty T đang làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác và chế biến khoáng sản N. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/11/2018 sau khi hết ca trực, T1, Đ, K, T và T2 về phòng số 8 khu tập thể lán trại công ty T để nghỉ và cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa được thua bằng tiền. T một mình đến căng tin của công ty lấy bát, đĩa mang về phòng rồi T lấy kéo cắt 02 quân bài chắn ra làm 04 quân vị và lấy lõi chặn bông cũ chài ra đất làm chiếu để cả nhóm sử dụng đánh bạc. Đến khoảng 02h00 phút cùng ngày, khi T1, Đ, K, T và T2 đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ, Công an xã H phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

Về hình thức đánh bạc: Nguyễn Ngọc T là người trực tiếp chuẩn bị 04 quân bài vị làm bằng lá bài chắn và là người xóc cái. Khi đánh bạc các đối tượng tham gia phải đặt mỗi ván từ 50.000 đồng trở lên, sau đó T là người cầm cái cho 04 quân vị vào chiếc đĩa, úp bát sứ lên rồi xóc. Khi xóc xong T đặt bát đĩa xuống chiếu, trước khi mở bát thì ai thích bên lẻ thì đặt tiền bên lẻ, ai thích bên chẵn thì đặt tiền bên chẵn. Đặt xong T mở bát ra nếu chẵn thì bên đặt chẵn được tiền của nhà cái bằng số tiền đặt cược, còn bên đặt lẻ sẽ bị mất hết số tiền đã đặt cho nhà cái và ngược lại. Để xác định chẵn lẻ là khi mở bát ra: có 02 quân mặt đen và 02 quân mặt trắng hoặc 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen phía trên là chẵn, còn 01 mặt trắng và 03 mặt đen hoặc 01 mặt đen và 03 mặt trắng là lẻ.

Khi đánh bạc T khai sử dụng 700.000 đồng đánh nhiều ván bạc và là người sóc ; T2 khai sử dụng 800.000 đồng đánh nhiều ván bạc; K khai sử dụng khoảng 2.600.000 đồng đánh nhiều ván bạc; Đ khai sử dụng 1.000.000 đồng đánh nhiều ván bạc; T2 khai sử dụng 900.000 đồng đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc là 6.000.000 (*sáu triệu đồng*).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 20/CT - VKSDT ngày 31/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Ngọc T, Đinh Quang Đ, Phùng Văn K, Trương Văn T1 và Đỗ Văn T2 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 BLHS..

Tại bản luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS (đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phùng Văn K, Trương Văn T1 và Đỗ Văn T2) và khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Đỗ Văn T2); khoản 1,3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với bị cáo Đinh Quang Đ. Tuyên bố: các bị cáo phạm tội “*Đánh bạc*”; xử phạt: các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phùng Văn K, Trương Văn T1 và Đỗ Văn T2 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt: bị cáo Đinh Quang Đ từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo chịu án phí HSST theo pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan, các bị cáo không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát, kiểm sát viên huyện Đại Từ đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi và căn cứ buộc tội: Các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Các bị cáo biết rõ hậu quả của hành vi đánh bạc nhưng vì ham chơi, các bị cáo đã rủ nhau cùng đánh bạc. Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn T1, Đinh Quang Đ, Phùng Văn K, Nguyễn Ngọc T, Đỗ Văn T2 đều khai nhận: Khoảng 02h00 ngày 27/11/2018, sau khi đi làm ca đêm về các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, khi các bị cáo đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà số

8, khu tập thể lán trại của Công ty Thịnh Cường thuộc địa phận xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) sử dụng vào việc đánh bạc đúng như cáo trạng của viện kiểm sát đã truy tố.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự.

Nội dung khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm”.

Do vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

[3] Xét tính chất vụ án: tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là tự phát, nhất thời gây mất trật tự tại địa phương.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phùng Văn K, Trương Văn T1 và Đỗ Văn T2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo T có ông Nội, ông Ngoại được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; bị cáo T2 có bố đẻ là nạn nhân chất độc màu da cam và được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo T1 là dân tộc sán diu thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Đối với bị cáo Đinh Quang Đ ngày 18/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Đánh bạc*” đến nay đã được xóa án tích, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra bị cáo Đ có bà ngoại (đẻ ra mẹ bị cáo) được UBND tỉnh Hà Tây tặng bằng khen vì có công trong cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước và được chính phủ tặng bằng gia đình vẻ vang trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo là dân tộc Mường thuộc diện được trợ giúp pháp lý; căn cứ tính chất vụ án, vai trò của bị cáo cũng như mục đích của việc tham gia đánh bạc ... Đối chiếu với các quy định của pháp luật HĐXX có thể xem xét cho các bị cáo T, T2, tính, Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét nhân thân của bị cáo: Cơ bản các bị cáo đều có nhân thân tốt. Đều không có tiền án, tiền sự. Đều chấp hành tốt các chủ trương chính sách pháp luật tại địa phương. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Động cơ, mục đích và vai trò phạm tội là do bộc phát, nhất thời, giản đơn, số lượng tiền tham gia đánh bạc ít, vừa đủ định lượng cấu thành tội phạm. Đây là những tình tiết cần xem xét trong quá trình quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy: động cơ, mục đích đánh bạc của các bị cáo là do bộc phát, nhất thời, một phần có thể là do làm việc xa nhà nên có hành vi đánh bạc để tiêu khiển... Nhưng xét thấy, cần thiết phải có mức hình phạt tù mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật và công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét để có mức hình phạt đảm bảo đúng các quy định và tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Cần phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung ngân sách nhà nước.

[7] Về vật chứng: số tiền 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) tiền Ngân hàng NNVN; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng, họa tiết màu đỏ; 04 quân bài hình tròn bằng giấy một mặt trắng, một họa tiết màu đỏ đen; 01 lõi chần bông; 01 chiếc kéo bằng kim loại. Đây là các công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6000.000đ (*sáu triệu đồng*) và tịch thu tiêu hủy các vật chứng có liên quan không còn giá trị sử dụng.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đinh Quang Đ, Phùng Văn K, Trương Văn T1 và Đỗ Văn T2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- **Áp dụng:** Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

+ **Xử phạt:** bị cáo **Phùng Văn K 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Áp dụng:** Khoản 1, 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

+ **Xử phạt:**

1. bị cáo **Nguyễn Ngọc T 12 (mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **24 (hai bốn)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. bị cáo **Trương Văn T1 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **18 (mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. bị cáo **Đỗ Văn T2 09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **18 (mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Áp dụng:** Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ **Xử phạt:** bị cáo **Đinh Quang Đ 15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND xã Phan Mỹ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; bị cáo K cho UBND xã Sơn Đông, huyện Sơn Tây, TP Hà Nội; bị cáo T1 cho UBND xã Nam Hòa, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; bị cáo T2 cho UBND xã Vũ Vinh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và bị cáo Đ cho UBND

xã Minh Quang, huyện Ba Vì, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo có tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

*** Hình phạt bổ sung:** Phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đinh Quang Đ, Phùng Văn K, Trương Văn T1 và Đỗ Văn T2, mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng, họa tiết màu đỏ; 04 quân bài hình tròn bằng giấy một mặt trắng, một họa tiết màu đỏ đen; 01 lõi chần bông; 01 chiếc kéo bằng kim loại.;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền Ngân hàng NNVN.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ - VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2019 giữa công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo T, Đ, T1 và T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Các bị cáo;
- UBND xã P, M,
- S, N, V;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên